

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2024

Số: 402/MB - TCKT
V/v: CBTT Báo cáo tài chính năm 2023
(đã kiểm toán)

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (PVFCCo-PMB) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 (đã kiểm toán) với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội & Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc

- Mã chứng khoán: PMB

- Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.35378256 Fax: 024.35378255

- Email: pmb@pvfcco.com.vn Website: http://pmb.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023 (đã kiểm toán)

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: /3/2024 tại đường dẫn: <http://pmb.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023:

Công ty không phát sinh

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch;
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);
- Ngày hoàn thành giao dịch;

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố. *HL*

Nơi nhận;

- Như trên; *HL*
- HĐQT, BKS, GD (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2023 (đã kiểm toán);
- Giải trình LNST thay đổi trên 10% so với năm trước

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦC BTT



TRƯỞNG PHÒNG TCHC
Phạm Trần Nguyễn

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2024

Số: 403/MB - TCKT

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế BCTC
năm 2023 (sau kiểm toán) thay đổi trên 10% so
với năm trước

Kính gửi:

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (Công ty) giải trình lợi nhuận sau thuế BCTC năm 2023 (sau kiểm toán) chênh lệch giảm hơn 10% so với thực hiện năm 2022, do một số nguyên nhân sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2022	Tăng (+)/ Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
			1	2	3=1-2	4=1/2
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	2.146.357.079.243	2.735.583.226.575	(589.226.147.332)	78%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp	Đồng	76.330.722.911	88.262.368.639	(11.931.645.728)	86%
3	Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	Đồng	10.345.813.563	22.353.072.398	(12.007.258.835)	46%

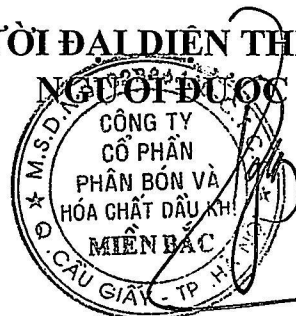
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *th*

Trân trọng.

Nơi nhận;

- Như trên;
- HĐQT, BKS, GE (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UOQBTT



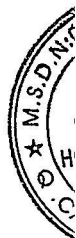
TRƯỞNG PHÒNG TCHC
Phạm Trần Nguyễn

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên
Ông Tạ Quốc Phương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Bùi Tuấn Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam
167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2024

Số: 0429/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

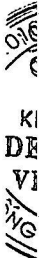
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Lê Thu Phương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5603-2020-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		172.173.099.706	183.642.464.294
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	120.856.663.223	96.162.950.365
1. Tiền	111		53.076.736.891	38.303.809.624
2. Các khoản tương đương tiền	112		67.779.926.332	57.859.140.741
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.359.989.193	20.901.955.912
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	12.115.130.383	11.921.818.820
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	6.626.832.305	8.424.946.064
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		618.026.505	555.191.028
III. Hàng tồn kho	140	7	29.612.036.468	66.339.869.795
1. Hàng tồn kho	141		31.949.547.478	73.782.423.655
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.337.511.010)	(7.442.553.860)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.344.410.822	237.688.222
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	180.546.413	237.688.222
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	2.163.864.409	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.757.732.437	14.078.047.255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		72.000.000	72.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		72.000.000	72.000.000
II. Tài sản cố định	220		5.312.445.323	6.947.529.527
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.305.371.628	6.924.807.966
- Nguyên giá	222		44.557.487.778	43.254.481.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.252.116.150)	(36.329.673.695)
2. Tài sản cố định vô hình	227		7.073.695	22.721.561
- Nguyên giá	228		95.613.600	95.613.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(88.539.905)	(72.892.039)
III. Tài sản dài hạn khác	260		7.373.287.114	7.058.517.728
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	7.373.287.114	2.590.969.893
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	4.467.547.835
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		184.930.832.143	197.720.511.549

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

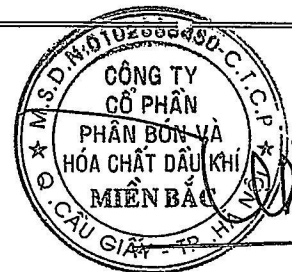
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		40.617.068.924	43.408.922.991
I. Nợ ngắn hạn	310		40.617.068.924	43.408.922.991
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	2.916.117.963	4.760.154.600
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	6.360.607.658	3.408.527.880
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	681.761.179	3.205.885.961
4. Phải trả người lao động	314		5.384.256.874	452.115.872
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	1.293.182.595	5.882.676.542
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	19.921.153.653	20.170.186.034
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.059.989.002	5.529.376.102
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		144.313.763.219	154.311.588.558
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	144.313.763.219	154.311.588.558
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.032.669.580	10.032.669.580
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.281.093.639	24.278.918.978
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		9.218.622.188	10.002.232.643
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.062.471.451	14.276.686.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		184.930.832.143	197.720.511.549

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hà
Phụ trách kế toán



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	2.183.715.954.247	2.767.795.242.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	37.358.875.004	32.212.016.016
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	2.146.357.079.243	2.735.583.226.575
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	2.070.026.356.332	2.647.320.857.936
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		76.330.722.911	88.262.368.639
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.876.103.424	1.329.068.132
7. Chi phí tài chính	22	21	18.493.151	328.145.205
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.493.151	328.145.205
8. Chi phí bán hàng	25	22	56.148.164.679	55.870.709.738
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	16.454.206.270	16.520.749.176
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-(25+26))	30		5.585.962.235	16.871.832.652
11. Thu nhập khác	31	23	5.067.678.234	5.495.152.746
12. Chi phí khác	32		307.826.906	13.913.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.759.851.328	5.481.239.746
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10.345.813.563	22.353.072.398
15. (Thu nhập)/ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	(449.823.586)	7.201.498.207
16. Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	24	4.467.547.835	(2.694.283.728)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.328.089.314	17.845.857.919
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	422	1.135

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hà
Phụ trách kế toán



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.345.813.563	22.353.072.398
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.381.854.604	3.633.098.778
Các khoản dự phòng	03	(5.105.042.850)	7.442.553.860
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.908.194.333)	(1.329.068.132)
Chi phí lãi vay	06	18.493.151	328.145.205
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.732.924.135	32.427.802.109
Giảm các khoản phải thu	09	6.031.825.794	18.721.107.200
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	41.832.876.177	(22.767.063.166)
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lãi vay phải trả)	11	(1.218.929.990)	(15.150.207.140)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(4.725.175.412)	2.150.511.906
Tiền lãi vay đã trả	14	(18.493.151)	(328.145.205)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.217.613.426)	(10.614.924.565)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.605.301.753)	(10.564.011.916)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.812.112.374	(6.124.930.777)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.650.418.200)	(1.447.959.036)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	32.090.909	23.272.726
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.899.927.775	1.282.729.963
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	281.600.484	(141.956.347)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	189.910.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(189.910.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.400.000.000)	(20.400.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(14.400.000.000)</i>	<i>(20.400.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	24.693.712.858	(26.666.887.124)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	96.162.950.365	122.829.837.489
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	120.856.663.223	96.162.950.365

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hà
Phụ trách kế toán



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc ("Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102886450 cấp ngày 19 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 14 ngày 01 tháng 02 năm 2024. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội từ ngày 07 tháng 10 năm 2015 với mã chứng khoán là PMB.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty"). Công ty mẹ tối cao của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 68 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 66 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn, bán lẻ phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn, bán lẻ hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm hóa chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6
Tài sản cố định hữu hình khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền trang web và thiết bị bảo vệ mạng Internet, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền trang web và thiết bị bảo vệ mạng Internet được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng, thuê kho cho nhiều kỳ đã được thanh toán trước cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng, thuê kho được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	212.949.659	59.879.418
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.863.787.232	38.243.930.206
Các khoản tương đương tiền (*)	67.779.926.332	57.859.140.741
	120.856.663.223	96.162.950.365

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,0%/năm đến 3,2%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 3,0%/năm đến 6,0%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	12.115.130.383	6.437.581.373
Công ty Cổ phần Phùng Hưng	-	5.045.847.780
Các khách hàng khác	-	438.389.667
	12.115.130.383	11.921.818.820
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	12.115.130.383	6.437.581.373

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.604.264.542	8.286.437.824
Các nhà cung cấp khác	22.567.763	138.508.240
	<u>6.626.832.305</u>	<u>8.424.946.064</u>
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>6.604.264.542</u>	<u>8.286.437.824</u>

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	1.028.784.804	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	130.220.908	-	580.631.288	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	118.677.860	-
Hàng hoá	30.790.541.766	(2.337.511.010)	73.083.114.507	(7.442.553.860)
	<u>31.949.547.478</u>	<u>(2.337.511.010)</u>	<u>73.782.423.655</u>	<u>(7.442.553.860)</u>

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho hàng hóa với số tiền là 2.337.511.010 VND (năm 2022: trích lập 7.442.553.860 VND) do một số hàng hóa có giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính thấp hơn giá gốc.

Đồng thời, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 7.442.552.860 VND (năm 2022: VND) do Công ty đã tiêu thụ các hàng hóa đã trích lập dự phòng đầu năm.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	180.546.413	237.688.222
	<u>180.546.413</u>	<u>237.688.222</u>
b. Dài hạn		
Tiền thuê văn phòng, thuê kho	6.099.025.852	1.180.303.417
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.274.261.262	1.410.666.476
	<u>7.373.287.114</u>	<u>2.590.969.893</u>

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	28.077.312.198	468.128.000	10.959.418.503	3.206.329.760	543.293.200	43.254.481.661
Tăng trong năm	-	275.292.000	1.471.478.400	-	-	1.746.770.400
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(443.764.283)	-	(443.764.283)
Số dư cuối năm	28.077.312.198	743.420.000	12.430.896.903	2.762.565.477	543.293.200	44.557.487.778
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	24.126.162.547	303.182.643	8.335.719.792	3.021.315.513	543.293.200	36.329.673.695
Khấu hao trong năm	1.975.574.824	87.111.828	1.187.411.908	116.108.178	-	3.366.206.738
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(443.764.283)	-	(443.764.283)
Số dư cuối năm	26.101.737.371	390.294.471	9.523.131.700	2.693.659.408	543.293.200	39.252.116.150
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	3.951.149.651	164.945.357	2.623.698.711	185.014.247	-	6.924.807.966
Tại ngày cuối năm	1.975.574.827	353.125.529	2.907.765.203	68.906.069	-	5.305.371.628

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.363.352.341 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.240.187.404 VND).

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phú Long Thành	580.696.138	580.696.138	334.762.600	334.762.600
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Phúc Long	520.379.596	520.379.596	585.693.385	585.693.385
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	293.266.332	293.266.332	401.146.646	401.146.646
Công ty Cổ phần Cảng Thanh Hóa	230.398.144	230.398.144	311.128.230	311.128.230
Các nhà cung cấp khác	1.291.377.753	1.291.377.753	3.127.423.739	3.127.423.739
	2.916.117.963	2.916.117.963	4.760.154.600	4.760.154.600

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Mỹ	1.284.726.295	-
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp, Xây dựng Anh Thái	765.636.547	11.164.983
Công ty TNHH Thương mại Phong Trang	731.855.364	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quyết Hiên	-	2.788.398.720
Các khách hàng khác	3.578.389.452	608.964.177
	6.360.607.658	3.408.527.880

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	137.655.158	585.466.644	388.060.623	335.061.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.503.572.603	(449.823.586)	4.217.613.426	(2.163.864.409)
Thuế thu nhập cá nhân	564.658.200	2.070.860.435	2.288.818.635	346.700.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	3.205.885.961	2.209.503.493	6.897.492.684	(1.482.103.230)
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	-	-	-	2.163.864.409
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	3.205.885.961	-	-	681.761.179

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cán bộ nhân viên Công ty	54.315.955	4.010.212.942
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.238.866.640	1.872.463.600
	1.293.182.595	5.882.676.542

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.600.000.000	2.400.000.000
Kinh phí công đoàn	74.141.513	73.448.807
Phải trả ngắn hạn khác	17.247.012.140	17.696.737.227
	19.921.153.653	20.170.186.034

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	10.032.669.580	32.183.604.269	162.216.273.849
Lợi nhuận trong năm	-	-	17.845.857.919	17.845.857.919
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.350.543.210)	(5.350.543.210)
Cổ tức được chia	-	-	(20.400.000.000)	(20.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	10.032.669.580	24.278.918.978	154.311.588.558
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	10.032.669.580	24.278.918.978	154.311.588.558
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.328.089.314	6.328.089.314
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(1.925.914.653)	(1.925.914.653)
Cổ tức được chia (i)	-	-	(14.400.000.000)	(14.400.000.000)
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	10.032.669.580	14.281.093.639	144.313.763.219

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023, cổ tức năm 2022 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ là 12% tương ứng 1.200 VND/cổ phiếu. Tổng số cổ tức chi trả là 14.400.000.000 VND. Số cổ tức trên đã được Công ty thanh toán hết trong năm 2023. Cũng theo Nghị quyết này, Công ty thực hiện trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi với tổng số tiền 1.925.914.653 VND, trong đó 660.296.790 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo phê duyệt và 1.265.617.863 VND tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tương ứng với 20% phần lợi nhuận sau thuế năm 2023.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	90.000.000.000	75%	90.000.000.000	75%
Cổ đông khác	30.000.000.000	25%	30.000.000.000	25%
	<u>120.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>120.000.000.000</u>	<u>100%</u>

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Tấn	* Tấn
Phân bón và sản phẩm hóa chất giữ hộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	22.171	33.611
	<u>22.171</u>	<u>33.611</u>

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 18 và 19.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực miền Bắc, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	1.467.170.747.500	2.079.850.665.000
Doanh thu hàng hóa khác	681.535.793.605	654.735.321.650
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.009.413.142	33.209.255.941
	2.183.715.954.247	2.767.795.242.591
Chiết khấu thương mại	37.358.875.004	32.212.016.016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.146.357.079.243	2.735.583.226.575
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 26)	31.193.029.211	27.464.372.146

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	1.379.891.774.097	2.014.367.026.318
Giá vốn hàng hóa khác	658.229.147.994	603.662.719.441
Giá vốn cung cấp dịch vụ	31.905.434.241	29.291.112.177
	2.070.026.356.332	2.647.320.857.936

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	28.430.699.655	28.335.470.007
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.381.854.604 (5.105.042.850)	3.633.098.778 7.442.553.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.317.457.348	35.189.845.233
Chi phí bằng tiền khác	28.024.654.485	25.130.512.423
	105.049.623.242	99.731.480.301

21. DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện lãi tiền gửi ngân hàng.

Chi phí hoạt động tài chính thể hiện lãi vay của các khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2023/CTD/VCBBD-DKMB ngày 14 tháng 02 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay là 2 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay theo từng giấy nhận nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã tất toán các khoản vay này và hoàn trả toàn bộ chi phí lãi vay trong năm.

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	18.312.686.593	19.038.025.898
Chi phí công cụ, dụng cụ	628.623.423	422.768.832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.132.858.094	3.041.731.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.999.715.666	11.032.096.785
Các khoản chi phí bán hàng khác	23.074.280.903	22.336.086.945
	56.148.164.679	55.870.709.738
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	10.118.013.062	9.297.444.109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.463.556.992	4.254.934.404
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.872.636.216	2.968.370.663
	16.454.206.270	16.520.749.176

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản được biếu tặng	5.003.731.200	5.463.818.020
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	32.090.909	23.272.726
Các khoản khác	31.856.125	8.062.000
	5.067.678.234	5.495.152.746

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.204.551.494	7.201.498.207
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	(2.654.375.080)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(449.823.586)	7.201.498.207

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	10.345.813.563	22.353.072.398
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	676.943.906	183.000.000
<i>Cộng: Chiết khấu thương mại và chi phí trích trước</i>	-	22.337.739.178
<i>Trừ: Chiết khấu thương mại tạm tính và chi phí trích năm trước đã đủ điều kiện ghi nhận năm nay</i>	-	8.866.320.533
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.022.757.469	36.007.491.043
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.204.551.494	7.201.498.207

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	(4.467.547.836)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.467.547.835	1.773.264.108
Tổng chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.467.547.835	(2.694.283.728)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	6.328.089.314	17.845.857.919
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.265.617.863)	(4.229.468.374)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.062.471.451	13.616.389.545
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	422	1.135

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trong năm trên cơ sở tạm tính, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể thay đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty đối với việc phân phối lợi nhuận năm 2023.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty đối với việc phân phối lợi nhuận năm 2022, giá trị trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được tính toán và phân bổ lại cụ thể như sau:

	Năm trước (Trình bày lại)	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	17.845.857.919	17.845.857.919
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(4.229.468.374)	(3.569.171.584)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	13.616.389.545	14.276.686.335
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm (cổ phiếu)	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>1.135</u>	<u>1.190</u>

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.193.029.211	27.464.372.146
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	31.193.029.211	27.464.372.146
Giá trị mua hàng và dịch vụ cung cấp	1.893.064.337.750	2.428.082.028.750
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.893.064.337.750	2.428.082.028.750
Nhận chiết khấu	40.763.888.113	35.510.493.188
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	40.763.888.113	35.510.493.188
Trả cổ tức	10.800.000.000	15.300.000.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.800.000.000	15.300.000.000
Thu nhập khác	5.003.731.200	5.463.818.020
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.003.731.200	5.463.818.020

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	12.115.130.383	6.437.581.373
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	12.115.130.383	6.437.581.373
Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.604.264.542	8.286.437.824
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	6.604.264.542	8.286.437.824

Thu nhập của Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
- Ông Lương Anh Tuấn	Chủ tịch	1.035.484.681	1.263.371.432
- Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch (đã miễn nhiệm từ ngày 15 tháng 9 năm 2022)	-	1.094.047.787
- Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên/Giám đốc	886.963.833	160.113.513
- Ông Tạ Quốc Phương	Thành viên	52.000.000	60.000.000
- Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc	910.600.200	1.143.661.661
- Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc (đã miễn nhiệm từ ngày 01 tháng 5 năm 2023)	411.589.354	1.139.201.865
		3.296.638.068	4.860.396.258

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hà
Phụ trách kế toán



Bùi Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2024